

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỐT NỐT  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/7/2022

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Khúc Thị Hồng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Việt Ngoan

2/ Bà Huỳnh Thị Mỹ Nhung

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Hoài Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 99/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 6 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 98/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/6/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà **Võ Thị T**, sinh năm 1970 (có mặt)

- *Bị đơn:* ông **Đào Lý N**, sinh năm 1966 (vắng mặt lần 2 không lý do)

Cùng địa chỉ: khu vực P, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện 21/02/2022 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:*

Hôn nhân giữa bà và ông N đến với nhau do do tự quen biết vào năm 1995, tìm hiểu khoảng 01 năm thấy hợp nhau và về chung sống với nhau không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định, do không hiểu biết. Chung sống hạnh phúc đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau cho đến nay. Nguyên nhân do ông N không quan tâm chăm lo gia đình mà chỉ biết sống riêng cho bản thân, ông N có đi làm và tạo thu nhập nhưng không tiếp lo cho gia đình mà để sử dụng riêng, không biết cảm thông cho bà. Mọi vấn đề trong gia đình đều do bà tự lo và qua nhiều lần khuyên nhưng ông N cũng không thay đổi, thấy đời sống vợ chồng không hạnh phúc. thời gian ly thân không ai quan tâm ai, cũng không ai chủ động hàn gắn tình cảm.

Về tình cảm đối với ông N không còn nữa nên xin ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung là Đào Trọng Q, sinh năm 1996, cháu

Đào Thị Mỹ T, sinh năm 2003. Không có con nuôi, riêng nào khác. Các con đã thành niên có khả năng lao động và không mắc bệnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, riêng và nợ: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn trình bày tại bản tự khai ngày 21/02/2022: Vào năm 1995 do quen biết với nhau và tìm hiểu ông bà đã chung sống với nhau như vợ chồng, không có tổ chức lễ cưới cũng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Đào Trọng Q, sinh năm 1996, cháu Đào Thị Mỹ T, sinh năm 2003. Hai con hiện đang sống tại khu vực P, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu tương đối hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn và từ đó sống ly thân đến nay. Lý do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung.

Nay ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: 02 con đã lớn không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

*Phần các đương sự trình bày tại phiên tòa:*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với ông Đào Lý N. Về con chung: có 02 con chung là Đào Trọng Q, sinh năm 1996, cháu Đào Thị Mỹ T, sinh năm 2003. Các con đã thành niên có khả năng lao động và không mắc bệnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, riêng và nợ: không có, không yêu cầu giải quyết.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của Nời tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: không công nhận bà Võ Thị T và ông Đào Lý N là vợ chồng; Về con chung: các con đã thành niên, đủ năng lực hành vi dân sự, không đặt vấn đề giải quyết. Về tài sản chung, riêng: không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về tố tụng: theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đây là vụ án về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Đào Lý N có nơi cư trú tại: khu vực P, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Đào Lý N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông N tự nguyện chung sống với nhau và cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Theo bà T do ông N không quan tâm

chăm lo gia đình mà chỉ biết sống riêng cho bản thân, còn về phía ông N cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Đến nay ông bà đã sống ly thân nhau. Đối với yêu cầu ly hôn của bà T ông N cũng đồng ý. Bà T và ông N chung sống nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định nên cần tuyên bố quan hệ chung sống giữa bà T và ông N pháp luật không công nhận là vợ chồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

[3] Về con: bà T và ông N có 02 con chung là Đào Trọng Q, sinh năm 1996, Đào Thị Mỹ T, sinh năm 2003. Tất cả đã thành niên đủ năng lực hành vi dân sự nên không đặt vấn đề giải quyết.

[4] Về tài sản chung, riêng và nợ: đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: nguyên đơn phải nộp theo quy định.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất ý kiến về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định và quyết định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 4, 5, 6, Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, 227, 228, Điều 235; Điều 262, 264, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 14, Điều 51, 53, 56, 57, 59 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận bà Võ Thị T và ông Đào Lý N là vợ chồng.

*Về con chung:* có 02 con chung là Đào Trọng Q, sinh năm 1996, Đào Thị Mỹ T, sinh năm 2003. Tất cả đã thành niên đủ năng lực hành vi dân sự nên không đặt vấn đề giải quyết.

*Về tài sản chung, riêng và nợ:* không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

*Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:* bà Võ Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm nộp án phí theo biên lai số 0004342 ngày 28/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, bà T không phải nộp thêm án phí.

*Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Riêng

đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết nơi cư trú.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Nòi được thi hành án dân sự, Nòi phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKS quận Thốt Nốt;
- Chi THA dân sự quận Thốt Nốt;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã Ký)

**Khúc Thị Hồng**